

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Tô Minh Thanh

GIÁO TRÌNH

Ngữ nghĩa học Tiếng Anh

English Semantics

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA
TP HỒ CHÍ MINH — 2007

CONTENTS

Preface	iii
Contents	v
Notational symbols	vii
1 INTRODUCTION	9
1.1 What is semantics?	9
1.2 Semantics and its possible included aspects	10
2 WORD MEANING	12
2.1 Semantic features	12
2.2 Componential analysis	20
2.3 Semantic fields	21
2.4 Lexical gaps	25
2.5 Referent, reference and sense	26
2.6 Denotation and connotation	30
2.7 Multiple senses of lexical items	34
2.8 Figures of speech	36
2.9 Hyponymy	57
2.10 Synonymy	63
2.11 Antonymy	67
2.12 Homonymy	72
2.13 Polysemy	78

2.14 Ambiguity	81
2.15 Anomaly	87
3 SENTENCE MEANING	91
3.1 Proposition, utterance and sentence	91
3.2 Sentence types (classified according to truth value)	96
3.3 Paraphrase	99
3.4 Entailment	104
4 UTTERANCE MEANING	109
4.1 Presupposition	109
4.2 Conversational implicature	128
4.3 Conventional implicature	145
4.4 Speech acts	146
4.5 Performatives and constatives	165
4.6 Politeness, co-operation and indirectness	171
4.7 Deixis	173
Answer keys	177
List of English-Vietnamese equivalent linguistic terms	227
Bibliography	252